



## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH TIÊU DÙNG XANH CỦA DOANH NGHIỆP (QUA THỰC TIỄN KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG)

Đặng Viết Đạt\* và Hoàng Thị Quyên

Học viện Chính trị khu vực IV

\*Người chịu trách nhiệm bài viết: [Đặng Viết Đạt \(email: vietchatdanghv4@gmail.com\)](mailto:vietchatdanghv4@gmail.com)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/06/2019

Ngày nhận bài sửa: 09/07/2019

Ngày duyệt đăng: 31/10/2019

### Title:

Factors affecting implementation of green consumption policies in enterprises (Study case in Mekong Delta)

### Từ khóa:

Doanh nghiệp, Đồng bằng sông Cửu Long, thực thi chính sách, tiêu dùng xanh

### Keywords:

Green consumption policies, Mekong Delta, policy implementation

### ABSTRACT

In this paper, the factors affecting the Vietnamese enterprise's implementation of green consumption policies were tested. The study was conducted in 2018 on the sample of 205 enterprises in the Mekong Delta (Vietnam). The Binary Logistic regression model and the group analysis model were used to determine the impact of independent variables on the dependent variable. The result showed that the implementation of green consumption policies in enterprises depends on a variety of factors such as: (1) The awareness and attitudes factors of business leaders for green consumption policies; (2) Institutional and policy factors; (3) Enterprise resources.

### TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu là kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực thi chính sách tiêu dùng xanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam. Nghiên cứu được tiến hành năm 2018 trên mẫu là 205 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình hồi quy nhị phân (binary logistic) và mô hình phân tích theo nhóm được sử dụng để kiểm định sự tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Kết quả kiểm định cho thấy việc thực thi chính sách tiêu dùng xanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều nhóm nhân tố như: (1) Yếu tố nhận thức, thái độ của những người đứng đầu doanh nghiệp đối với chính sách tiêu dùng xanh; (2) Yếu tố thể chế và chính sách; (3) Nguồn lực của doanh nghiệp.

Trích dẫn: Đặng Viết Đạt và Hoàng Thị Quyên, 2019. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực thi chính sách tiêu dùng xanh của doanh nghiệp (qua thực tiễn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5D): 109-116.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiêu dùng xanh (TDX) hiện được xem là xu hướng tiêu dùng của thế kỷ khi môi trường trở thành mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong thập kỷ qua, các chính sách và chương trình đã được nỗ lực thực hiện nhằm chuyển đổi thành công cơ cấu công nghiệp, làm quy trình sản xuất sạch và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp chỉ có thể làm giảm các tác động đến môi trường

liên quan đến việc sản xuất chứ không giải quyết được các tác động đến môi trường liên quan đến việc lựa chọn, sử dụng và thải loại sản phẩm của người tiêu dùng. Chính vì thế, tiêu dùng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề về môi trường; sự hợp tác giữa các nhà sản xuất, người tiêu dùng và các bên liên quan khác có thể mang lại các giải pháp bền vững hơn trong hệ thống sản xuất - tiêu thụ. Việt Nam đang đứng trước thực trạng là tăng trưởng kinh tế nhưng sụt giảm mạnh về

tài nguyên thiên nhiên và gia tăng ô nhiễm môi trường.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có hơn 52.000 doanh nghiệp khối tư nhân đang hoạt động (tính đến cuối năm 2017), chưa đến 10% tổng số doanh nghiệp của cả nước nhưng đã cùng tham gia với các thành phần kinh tế khác đóng góp chung vào nền kinh tế cả nước đến gần 20% GDP (Phạm Tâm, 2017). Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm trên hệ thống các sông ở ĐBSCL đang ở mức báo động cao (Võ Thành Danh, 2010), nguyên nhân là do các doanh nghiệp ở khu vực này đầu tư nguồn lực cho bảo vệ môi trường và sản xuất sạch còn khá thấp (Nguyễn Trọng Hoài và Lê Hoàng Long, 2014). Thực tế này cho thấy, việc thực thi chính sách TDX của các doanh nghiệp vùng ĐBSCL đang chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó có những nhân tố gây cản trở việc thực hiện chính sách này hiện nay. Để lý giải những nhân tố tác động đến việc thực thi chính sách TDX của các doanh nghiệp vùng ĐBSCL, nghiên cứu tập trung phân tích sự tác động đó dựa trên các nhân tố sau: (1) Yếu tố thể chế và chính sách; (2) Nguồn lực của doanh nghiệp; (3) Yếu tố nhận thức, thái độ của những người đứng đầu doanh nghiệp đối với chính sách TDX.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Số liệu

Do doanh nghiệp là đơn vị tương đối khó tiếp cận nên số liệu sơ cấp trong nghiên cứu này được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện với dung lượng mẫu là 205 doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện, tác giả bài viết đã tiếp cận và phỏng vấn những người trong ban lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh khu vực ĐBSCL với phiếu hỏi được chuẩn bị sẵn nhằm đánh giá quan điểm, thái độ và việc thực thi các chính sách TDX của doanh nghiệp. Những doanh nghiệp được lựa chọn là các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mà sản phẩm hay dịch vụ này được liệt kê trong danh mục các loại hình sản phẩm, dịch vụ xem xét dán nhãn để thực hiện mua sắm xanh trong thời gian trước mắt ở Việt Nam theo quy định của Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn 2050, đồng thời, các đặc trưng về quy mô hay thành phần kinh tế của doanh nghiệp cũng được xét đến.

**Bảng 1: Đặc điểm về quy mô và thành phần của doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu (số lượng và tỷ lệ % trên mẫu)**

Quy mô doanh nghiệp	Thành phần kinh tế của doanh nghiệp						Tổng
	100% vốn nhà nước	Liên doanh nhà nước và tư nhân	Tư nhân	100% vốn đầu tư nước ngoài	Hợp tác xã		
Siêu nhỏ	0	0	16 (7,8%)	0	4 (2,0%)	20 (9,8%)	
Nhỏ	8 (3,9%)	0	75 (36,6%)	6 (2,9%)	0	89 (43,4%)	
Vừa	0	0	14 (6,8%)	8 (3,9%)	0	22 (10,7%)	
Lớn	12 (5,9%)	18 (8,8%)	25 (12,2%)	19 (9,3%)	0	74 (36,1%)	
<b>Tổng</b>	<b>20 (9,8%)</b>	<b>18 (8,8%)</b>	<b>130 (63,4%)</b>	<b>33 (16,1%)</b>	<b>4 (2,0%)</b>	<b>205 (100%)</b>	

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018

Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp được khảo sát kinh doanh, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ khác nhau như: đồ điện gia dụng; thực phẩm; máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất; nguyên vật liệu xây

dựng; thiết bị văn phòng; giày dép, quần áo; thiết bị y tế; sản xuất các loại bao bì, đóng gói thực phẩm và các sản phẩm, dịch vụ khác (Bảng 2).

**Bảng 2: Các loại hình sản phẩm/ dịch vụ doanh nghiệp sản xuất/cung cấp**

Các loại sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp sản xuất/cung cấp	Số lượng doanh nghiệp	Tỷ lệ % trên mẫu
Đồ điện gia dụng	30	14,6
Thực phẩm	43	21,0
Các loại bao bì, đóng gói sản phẩm	18	8,8
Máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất	40	19,5
Nguyên vật liệu xây dựng	53	25,9
Thiết bị văn phòng	16	7,8
Giày dép, quần áo	11	5,4
Thiết bị y tế	10	4,9
Sản phẩm, Dịch vụ khác	82	40,0

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018

**2.2 Các biến quan sát và mô hình kiểm định**

Thật khó để xác định xem chúng ta cần quan sát hay đánh giá những hành động nào để xác định một doanh nghiệp có thực hiện tốt các chính sách TDX đang được thực thi hay không? Nghiên cứu này dựa vào các quy định của pháp luật, các chính sách TDX của Nhà nước để xác định xem các doanh nghiệp sẽ phải thực hiện những hành động cụ thể gì từ đó tìm ra các biến số cần quan sát. Theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn 2050 thì nhiệm vụ chiến lược để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh đó là: “Xanh hoá sản xuất và

xanh hoá lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững”, trong đó xanh hoá sản xuất là: “thực hiện một chiến lược công nghiệp hoá sạch thông qua rà soát, điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghệ xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu, công nghệ thân thiện với môi trường; xanh hoá lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững”, nghĩa là thúc đẩy các cá nhân, tổ chức sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Như vậy, dựa vào các quy định của pháp luật hay các chính sách cụ thể các biến số cần phải đo lường được xác định để đánh giá mức độ thực hiện chính sách TDX của doanh nghiệp đó là:

**Bảng 3: Biến phụ thuộc và các biến quan sát**

<b>Biến phụ thuộc</b>	<b>Biến quan sát</b>
Sản xuất cung ứng sản phẩm, dịch vụ xanh	Gắn nhãn sinh thái/ gắn nhãn xanh cho sản phẩm
	Đóng gói sản phẩm theo tiêu chuẩn xanh
	Xây dựng, thực hiện chương trình, dự án hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ xanh Xây dựng mạng lưới các cửa hàng, gian hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ xanh đến tay người tiêu dùng
Mua sắm xanh	Ưu tiên sử dụng máy móc, dây chuyền sản xuất với công nghệ tiết kiệm năng lượng
	Mua sắm các hàng hóa có dán nhãn sinh thái, dán nhãn tiết kiệm năng lượng
	Mua sắm sử dụng các sản phẩm tái chế, có hàm lượng tái chế cao Xây dựng các công trình của công ty, doanh nghiệp theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường
Sử dụng xanh	Tái chế bao bì
	Khuyến khích tái sử dụng thông qua sửa chữa và thay thế
	Thiết lập các ngưỡng phát thải trong sản xuất Sử dụng công nghệ thu gom, xử lý rác thải theo đúng quy định Có quy định đề cán bộ, công nhân viên của công ty, doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm năng lượng như: điện, nước; sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu
Tuyên truyền cho TDX	Tuyên truyền, cung cấp thông tin để khuyến khích người tiêu dùng sử dụng hàng hóa có dán nhãn sinh thái, dán nhãn tiết kiệm năng lượng
	Tuyên truyền cho người tiêu dùng hạn chế sử dụng bao bì, túi đựng hàng hóa gây hại đến môi trường như: Hạn chế sử dụng túi nylon...
	Cung cấp, phổ biến thông tin về sản phẩm xanh đến người tiêu dùng Tổ chức ngày hội TDX

Nguồn: Tác giả xây dựng

Biến độc lập đánh giá việc các doanh nghiệp có thực thi các chính sách TDX hay không được xác định như sau:

(1) Yếu tố nhận thức, thái độ của những người đứng đầu doanh nghiệp đối với chính sách TDX;

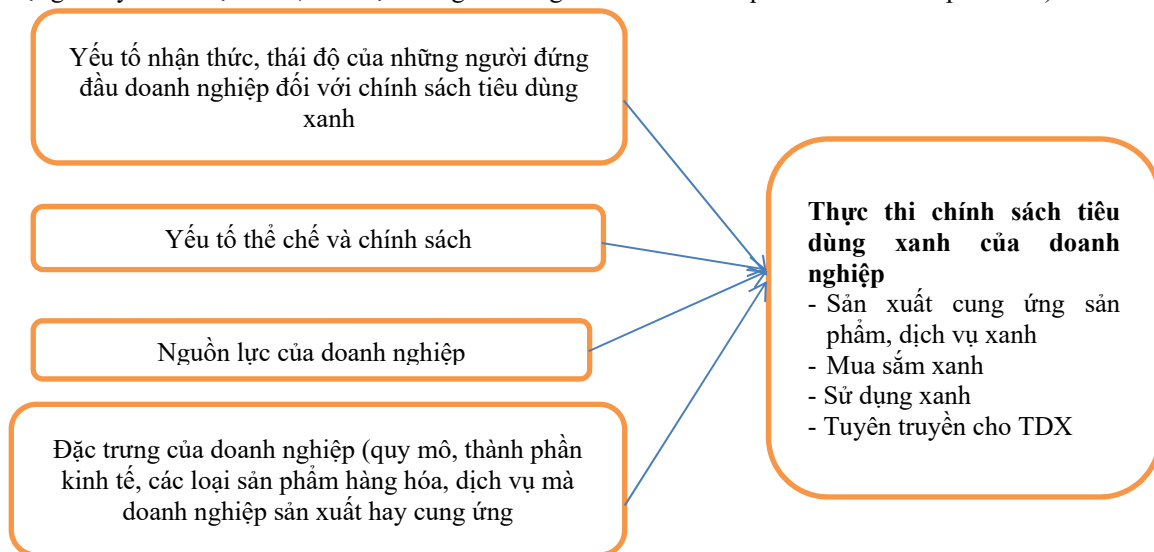
(2) Yếu tố thể chế và chính sách nghĩa là các chính sách TDX có được các cơ quan thực thi một cách hiệu quả và nghiêm minh hay không? Khung thể chế pháp lý có phù hợp với thực tiễn hay không?

(3) Nguồn lực của doanh nghiệp bao gồm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, khả năng tài chính, mức độ hiện đại của dây chuyền sản xuất.

Để kiểm định sự tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc được xác định trong Hình 1, các mô hình kiểm định khác nhau được sử dụng. Để kiểm định sự tác động của yếu tố nguồn lực doanh nghiệp, đặc trưng doanh nghiệp và yếu tố thể chế chính sách đến việc thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp,

mô hình hồi quy đa biến Binary Logistic được sử dụng, trong đó các biến được xây dựng thành các biến giả nhận hai giá trị là 0 và 1. Để kiểm định tác động của yếu tố nhận thức, thái độ của người đứng

đầu doanh nghiệp với chính sách TDX đến hành vi thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp, mô hình phân tích theo nhóm được lựa chọn (sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để phân tích).



**Hình 1: Mô hình giả định các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp**

Nguồn: Tác giả xây dựng

### 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1 Kiểm định sự tác động của yếu tố nguồn lực doanh nghiệp, đặc trưng doanh nghiệp và yếu tố thể chế chính sách đến việc thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp thông qua mô hình hồi quy nhị phân (binary logistic)

##### 3.1.1 Kiểm định sự tác động của yếu tố thể chế

Kết quả nghiên cứu cho thấy những doanh nghiệp nhận được ưu đãi hỗ trợ về vốn, giảm thuế hay nhận được hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ về thủ tục hành chính là những doanh nghiệp có xác suất thực hiện các chính sách TDX cao hơn các

doanh nghiệp không nhận được các loại hình hỗ trợ hay ưu đãi này.

Yếu tố thực thi chính sách được đo qua các biến như doanh nghiệp có nhận được hỗ trợ về vốn, giảm thuế hay nhận được hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ về thủ tục hành chính hay không?... Yếu tố đặc trưng doanh nghiệp sẽ được thể hiện qua các biến như quy mô doanh nghiệp, các loại sản phẩm doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các nguồn lực mà doanh nghiệp có như việc các doanh nghiệp khẳng định gặp khó khăn về vốn, về công nghệ hay về nguồn nhân lực. Đánh giá sự tác động của các nhóm nhân tố này đến các hoạt động cụ thể thể hiện việc thực thi chính sách TDX cho thấy như sau:

**Bảng 4: Mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động xây dựng, thực hiện chương trình dự án, hoạt động, nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ xanh của doanh nghiệp**

Biến độc lập	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
Ưu đãi hỗ trợ mở rộng thị trường	9,987	3,315	9,075	1	,003	21744,021
Hỗ trợ vốn	7,235	2,733	7,006	1	,008	,001
Hỗ trợ xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá	5,351	1,767	9,174	1	,002	210,878
Quy mô doanh nghiệp	16,370	6,820	5,762	1	,016	12868835,023
Hàng số	-27,383	8,561	10,232	1	,001	,000

a. -2 Log likelihood: 39,396<sup>a</sup>; Overall Percentage: 96,1

Sau khi lựa chọn các biến đưa vào mô hình cho thấy trong rất nhiều các nhân tố như quy mô, loại hình doanh nghiệp, các loại sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hay các yếu tố về nguồn lực... thì chỉ có yếu tố về quy mô, mức hỗ trợ ưu đãi

về vốn, hỗ trợ xây dựng cửa hàng, gian hàng giới thiệu cung cấp sản phẩm dịch vụ xanh đến tay người tiêu dùng là các nhân tố thể hiện rõ mối quan hệ với việc thực hiện chương trình, dự án, hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ xanh của doanh

ngành (Bảng 4). Trong đó, các doanh nghiệp nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ về vốn, về mở rộng thị trường sẽ có xác suất thực hiện các chương trình nghiên cứu nhiều hơn các doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ, ưu đãi hay nhận được hỗ trợ ưu đãi ở mức thấp.

Kết quả phân tích cho thấy việc các doanh nghiệp được nhận hỗ trợ về vốn hay hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực sẽ tác động thuận chiều tới hoạt động gắn nhãn sinh thái, nhân năng lượng cho sản phẩm của doanh nghiệp; việc các doanh nghiệp

khẳng định gặp khó khăn do áp dụng các quy định của pháp luật sẽ khiến cho các doanh nghiệp không thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin ảnh hưởng tới môi trường của sản phẩm cho người tiêu dùng (Trong tổng số 98 doanh nghiệp khẳng định gặp khó khăn trong quá trình áp dụng quy định pháp luật về cung cấp thông tin ảnh hưởng tới môi trường của sản phẩm có tới 58 doanh nghiệp chiếm 59,2% không thực hiện hay thực hiện ở mức rất thấp việc cung cấp thông tin ảnh hưởng tới môi trường của sản phẩm đến tay người tiêu dùng) (Bảng 5).

**Bảng 5: Mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng tới việc gắn nhãn sinh thái, nhân năng lượng cho sản phẩm của doanh nghiệp**

Biến độc lập	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
Khó khăn về kinh phí	-1,732	,458	14,291	1	,000	,177
Hỗ trợ vốn	1,115	,268	17,357	1	,000	3,049
Khó khăn nguồn nhân lực	-,884	,332	7,091	1	,008	,413
Hỗ trợ đào tạo	,812	,312	,791	1	,009	2,253
Loại hình sản phẩm	,644	,295	4,765	1	,029	1,904
Hàng số	-2,344	,374	39,183	1	,000	,096

. -2 Log likelihood: 36,396<sup>a</sup>; Overall Percentage: 95,1

3.1.2 Kiểm định sự tác động của yếu tố nguồn lực

Nguồn lực của doanh nghiệp là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách TDX. Các doanh nghiệp có nguồn lực tốt hơn, ví dụ các doanh nghiệp có quy mô lớn về vốn, về nguồn nhân lực thường là các doanh nghiệp có nhiều hoạt động hơn trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ xanh hay đó là doanh nghiệp có nhiều hoạt động phổ biến tuyên truyền cho việc TDX. Số liệu *Bảng 4* cho thấy quy mô của doanh nghiệp là một nhân tố có mối liên hệ chặt chẽ với việc thực hiện các chương trình nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ xanh. Các doanh nghiệp có quy mô càng lớn có khả năng thực hiện các chương trình nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ xanh càng cao.

Bên cạnh đó, tài chính cũng là một loại nguồn lực quan trọng ảnh hưởng tới việc thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp: hơn 80% các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu xác định sự khó khăn về kinh phí trong quá trình thực hiện các chương trình hoạt động liên quan đến TDX; 100% các doanh nghiệp không đóng gói sản phẩm theo tiêu chuẩn xanh, không xây dựng mạng lưới TDX, không có

hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ xanh đều khẳng định việc thiếu nguồn lực, đặc biệt là thiếu kinh phí cho các hoạt động này.

Số liệu kiểm định hồi quy *Bảng 5* cho thấy các doanh nghiệp khẳng định có khó khăn về kinh phí, có khó khăn về nguồn nhân lực có tác động nghịch chiều tới việc thực hiện gắn nhãn sinh thái, nhân năng lượng cho sản phẩm. Trong khi đó, các doanh nghiệp nhận được hỗ trợ về vốn, hỗ trợ đào tạo sẽ có tác động thuận chiều tới việc thực hiện hoạt động này của doanh nghiệp.

3.1.3 Kiểm định ảnh hưởng của yếu tố đặc trưng của doanh nghiệp

Đặc trưng của doanh nghiệp như quy mô, loại hình doanh nghiệp cũng là các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp. Mô hình kiểm định cho thấy rằng các doanh nghiệp có quy mô lớn có xác suất thực hiện các chính sách TDX cao hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa (*Bảng 6*). Các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng đồ điện gia dụng là doanh nghiệp thực hiện việc gắn nhãn xanh có sản phẩm của mình nhiều hơn các công ty, doanh nghiệp sản xuất cung ứng các mặt hàng khác.

**Bảng 6: Mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động ưu tiên sử dụng, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm có dán nhãn xanh của doanh nghiệp**

Biến độc lập	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
Thành phần kinh tế của doanh nghiệp	-1,437	,435	10,886	1	,001	,238
Quy mô doanh nghiệp	-,457	,400	1,309	1	,253	,633
Hàng số	2,137	,282	57,225	1	,000	8,471

2 Log likelihood : 75,640<sup>a</sup>; Overall Percentage: 95,2

Bên cạnh đó, số liệu *Bảng 6* cho ta thấy thành phần kinh tế của doanh nghiệp là một trong những nhân tố có tác động tới hoạt động ưu tiên sử dụng, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm có gắn nhãn sinh thái. Hoạt động ưu tiên sử dụng, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm có dán nhãn xanh của doanh nghiệp có khả năng giảm xuống nếu đó là doanh nghiệp nhà nước.

**3.2 Kiểm định tác động của yếu tố nhận thức, thái độ của người đứng đầu doanh nghiệp đến việc thực thi chính sách TDX thông qua mô hình phân tích theo nhóm**

Yếu tố nhận thức, thái độ của những người đứng đầu doanh nghiệp với các chính sách TDX, đây là

một trong những nhân tố có ảnh hưởng tới việc thực thi chính sách TDX của doanh nghiệp. Mô hình phân tích theo nhóm cho thấy rằng các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động mua sắm xanh, sử dụng xanh hay có hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ, hàng hóa xanh cũng là những doanh nghiệp mà những người đứng đầu có nhận định, đánh giá tích cực về tác động của việc thực thi chính sách TDX (*Bảng 7, Bảng 8, Bảng 9*).

Số liệu *Bảng 7* cho thấy, nếu các doanh nghiệp có chủ doanh nghiệp đồng ý với những tác động tiêu cực của việc thực thi chính sách TDX thì đa số các doanh nghiệp này không thực hiện việc gắn nhãn xanh cho sản phẩm.

**Bảng 7: Quan điểm của người đứng đầu doanh nghiệp về tác động của chính sách TDX ở các nhóm doanh nghiệp khác nhau (0 là cá doanh nghiệp không thực hiện, gắn nhãn xanh, 1 là nhóm doanh nghiệp có thực hiện gắn nhãn xanh)**

Ảnh hưởng của chính sách, pháp luật về TDX	Gắn nhãn xanh	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp	0	179	2,30	1,820	,136
	1	26	2,23	1,210	,237
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ làm giảm kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp	0	175	3,82	1,494	,113
	1	26	5,15	1,782	,349
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp	0	179	5,46	1,391	,104
	1	26	6,00	,000	,000
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ cắt giảm lợi nhuận của doanh nghiệp	0	179	3,63	1,738	,130
	1	26	2,92	1,719	,337
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ đem đến cho doanh nghiệp các cơ hội tạo ra giá trị mới	0	179	3,20	1,836	,137
	1	26	2,69	1,011	,198
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường	0	179	4,51	2,018	,151
	1	26	3,38	1,675	,329
Các quy định của pháp luật về TDX sẽ làm tăng doanh thu cho doanh nghiệp	0	175	5,35	1,825	,138
	1	26	5,62	1,675	,329

Tương tự như vậy, số liệu *Bảng 8* cho thấy, nếu các doanh nghiệp không đóng gói sản phẩm theo tiêu chuẩn xanh thì người đứng đầu doanh nghiệp

thường có đánh giá tiêu cực về tác động của việc thực thi quy định pháp luật về TDX.

**Bảng 8: Quan điểm của người đứng đầu doanh nghiệp về tác động của chính sách TDX ở các nhóm doanh nghiệp khác nhau (0 là các doanh nghiệp không thực hiện đóng gói sản phẩm theo tiêu chuẩn xanh, 1 là nhóm doanh nghiệp có thực hiện)**

Ảnh hưởng của chính sách, pháp luật về TDX	Đóng gói	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Các quy định trên sẽ làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp	0	191	2,35	1,794	,130
	1	14	1,43	,514	,137
Các quy định trên sẽ làm giảm kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp	0	187	4,00	1,636	,120
	1	14	3,86	,864	,231
Các quy định trên sẽ làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp	0	191	5,50	1,353	,098
	1	14	6,00	,000	,000
Các quy định trên sẽ cắt giảm lợi nhuận của doanh nghiệp	0	191	3,58	1,665	,120
	1	14	3,00	2,660	,711
Các quy định trên sẽ đem đến cho doanh nghiệp các cơ hội tạo ra giá trị mới	0	191	3,13	1,809	,131
	1	14	3,14	,864	,231
Các quy định trên sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường	0	191	4,36	2,067	,150
	1	14	4,43	,938	,251
Các quy định trên sẽ làm tăng doanh thu cho doanh nghiệp	0	187	5,33	1,821	,133
	1	14	6,14	1,406	,376

Bảng 9 cho thấy các doanh nghiệp không thực hiện hoạt động khuyến khích tái sử dụng thông qua sửa chữa và thay thế là doanh nghiệp có chủ doanh

nh nghiệp đánh giá tiêu cực về tác động của việc thực thi chính sách TDX đối với hoạt động của doanh nghiệp.

**Bảng 9: Quan điểm của người đứng đầu doanh nghiệp về tác động của chính sách TDX ở các nhóm doanh nghiệp khác nhau (0 là nhóm các doanh nghiệp không thực hiện hoạt động khuyến khích tái sử dụng thông qua sửa chữa và thay thế, 1 là nhóm doanh nghiệp có thực hiện)**

Ảnh hưởng của chính sách, pháp luật về TDX	Khuyến khích tái sử dụng	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Các quy định trên sẽ làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp	0	193	2,35	1,785	,128
	1	12	1,33	,492	,142
Các quy định trên sẽ làm giảm kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp	0	189	4,01	1,624	,118
	1	12	3,67	,985	,284
Các quy định trên sẽ làm giảm sức cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp	0	193	5,56	1,330	,096
	1	12	5,00	,853	,246
Các quy định trên sẽ cắt giảm lợi nhuận của doanh nghiệp	0	193	3,55	1,738	,125
	1	12	3,33	1,969	,569
Các quy định trên sẽ đem đến cho doanh nghiệp các cơ hội tạo ra giá trị mới	0	193	3,12	1,762	,127
	1	12	3,33	1,775	,512
Các quy định trên sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường	0	193	4,37	2,047	,147
	1	12	4,33	1,303	,376
Các quy định trên sẽ làm tăng doanh thu cho doanh nghiệp	0	189	5,28	1,813	,132
	1	12	7,00	,000	,000

**4 KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH**

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy việc thực thi các chính sách TDX của doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó có các nhóm nhân tố như: (1) Yếu tố nhận thức, thái độ của những người đứng đầu doanh nghiệp đối với chính sách TDX; (2) Yếu tố thể chế và chính sách; (3) Nguồn lực của

doanh nghiệp. Các nhóm nhân tố này lại có tác động khác nhau tới từng hoạt động thực thi chính sách của doanh nghiệp. Việc đầu tư của các doanh nghiệp trong lĩnh vực thay đổi công nghệ sản xuất hướng đến sản xuất sạch hơn hay hướng đến TDX sẽ làm giảm áp lực cho ngân sách nhà nước trong việc đầu tư cho bảo vệ môi trường, vì thế kết quả thực hiện

chính sách TDX của Chính phủ phụ thuộc rất lớn vào việc thực thi chính sách TDX của các doanh nghiệp. Do đó, muốn thực hiện tốt chính sách TDX của Chính phủ, chính quyền các cấp phải thúc đẩy doanh nghiệp thực thi chính sách TDX, trong đó tập trung vào những định hướng chính sách sau:

*Thứ nhất*, trong những năm tới Đảng và Nhà nước cần tập trung hoàn chỉnh khung thể chế, chính sách cho TDX, trong đó chú trọng hoàn thiện khung chính sách tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh. Các hoạt động này sẽ hỗ trợ về vốn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các chính sách TDX.

*Thứ hai*, chính quyền các cấp vùng ĐBSCL cần đẩy mạnh chiến dịch truyền thông thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi liên quan đến TDX của doanh nghiệp đặc biệt người đứng đầu doanh nghiệp, trong đó cần tuyên truyền để nâng cao trách nhiệm của công ty, doanh nghiệp đối với việc bảo vệ môi trường. Tuyên truyền để người đứng đầu doanh nghiệp thấy được các cơ hội phát triển mới đối với công ty và doanh nghiệp khi phát triển các dịch vụ, sản phẩm xanh hay thực hiện các quy định bảo vệ môi trường khác. Tuyên truyền giúp đỡ để họ nắm được các quy trình thủ tục cũng như là giúp họ đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ ra thị trường. Giúp họ tiếp cận được với các thông tin về chương trình hỗ trợ, ưu đãi khuyến khích đầu tư cho TDX.

*Thứ ba*, các tỉnh vùng ĐBSCL phải đẩy mạnh thực thi chính sách hỗ trợ về vốn, về đào tạo nhân lực cho các doanh nghiệp để họ hình thành chuỗi cung ứng xanh nhằm *xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường*; hỗ trợ để doanh nghiệp xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ xanh; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nâng cấp, cải tiến dây chuyền công nghệ cũng như đẩy mạnh các chính

sách về thuế, về tài chính hay chính sách ưu đãi khác để buộc doanh nghiệp cải tiến dây chuyền, công nghệ sản xuất. Với các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ cần hỗ trợ thực hiện nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa dây chuyền công nghệ và cải tiến quản lý nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hay phát triển hàng hóa, dịch vụ xanh, tăng cường xử lý chất thải.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Võ Thành Danh, 2010. Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 15b: 264-273
- Nguyễn Trọng Hoài và Lê Hoàng Long, 2014. Phát triển công nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh: Nghiên cứu điển hình Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Phát triển Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 282: 48-64.
- Phạm Tâm, 2017. ĐBSCL có hơn 52.000 doanh nghiệp khởi tư nhân đang hoạt động, ngày truy cập 27/10/2017, Địa chỉ: <https://dantri.com.vn/doanh-nghiep/db scl-co-hon-52000-doanh-nghiep-khoi-tu-nhan-dang-hoat-dong-201710272214435.htm>
- Thủ tướng Chính phủ, 2012. Quyết định số 1393/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 09 năm 2012 về việc “Quyết định phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn 2050”, ngày truy cập 01/6/2019. Địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-1393-QĐ-TTg-nam-2012-phê-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-tang-truong-xanh-148498.aspx>
- Thủ tướng Chính phủ, 2016. Quyết định số 76-QĐ-TTg, ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc “Phê duyệt chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, truy cập ngày 01/6/2019. Địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-76-QĐ-TTg-chuong-trinh-hanh-dong-quoc-gia-san-xuat-tieu-dung-ben-vung-2016-300366.aspx>